

UNIT 1 LEISURE TIME - GETTING STARTED

Surprise	(v) ngạc nhiên
look for	(phr.v) tìm kiếm
knitting kit	(np): bộ dụng cụ đan
be keen on	(adj): thích/ say mê
Leisure time	(nphr) thời gian rảnh
Building dollhouses	(nphr) làm nhà búp bê
Making paper flowers	(nphr) làm hoa giấy
Spend	(v) dành (thời gian) , dùng(tiền)
On your own	(phr) cho chính mình
Hang out	(vphr) đi chơi
By the way	(phr) nhân tiện
Comedy	(n) phim hài
Doing puzzles	(nphr) giải ô chữ
Surf	(v) lướt
Messaging friends	(nphr) nhắn tin ch bạn
Improve memory	(v) cải thiện/ trau dồi trí nhớ
Mental exercise	(nphr) luyện tập trí óc
Increase	(v) gia tăng
Physical health	(n) sức khoẻ thể chất
Keep in touch	(vphr) giữ liên lạc
Be relaxed	(a.phr) thư giãn
<b>*Structures</b>	
Look for	
Keen on + V-ing (say mê)	

Love /Like + V-ing

Spend time with

Hang out with

Keep in touch

-Would you like to + V? – I'd love to

-Let's + V

***Complete the dialogue:***

**Tom:** Hi, Trang. Surprised to see you. What brings you here?

**Trang:** Oh, hello Tom. I'm looking \_\_\_\_\_) a knitting kit.

**Tom:** A knitting kit? I didn't know you like knitting.

**Trang:** Actually, I'm keen \_\_\_\_\_ many DIY activities. In my leisure time, I love knitting, building dollhouses, and making paper flowers.

**Tom:** I see. So, you like spending time on your \_\_\_\_\_.

**Trang:** Yeah. What do you do in your free time?

**Tom:** I'm a bit different. I usually hang \_\_\_\_\_ with my friends. We go to the cinema, go cycling, or play sport in the park.

**Trang:** You love spending free time \_\_\_\_\_ other people, don't you?

**Tom:** That's right. By the \_\_\_\_\_, would you like to go to the cinema with me and Mark this Sunday? There's a new comedy at New World Cinema.

**Trang:** Yes, I'd love \_\_\_\_\_. Can I ask Mai to join us?

**Tom:** Sure. Let's meet outside the cinema at 9 a.m.